

SỞ Y TẾ HÀ NAM
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 25 tháng 11 năm 2024

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM
SỐ: 05/2024/ĐKSP

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hà Nam xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KINH DOANH VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SỐNG LÀNH

Địa chỉ: Xóm 18, xã Kim Bình, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 1800 646 800

Cho sản phẩm: SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC a2 PLATINUM®
PREMIUM INFANT FORMULA

Sản phẩm của: A2 Infant Nutrition Limited; Địa chỉ: Level 10, 51 Shortland Street, Auckland 1010, New Zealand.

Sản xuất/đóng gói bởi: Synlait Milk limited;

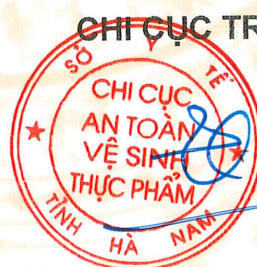
Địa chỉ: 1028 Heslerton Road, RD 13, Rakaia 7783, New Zealand (Reg 540)
hoặc 89 Richard Pearse Drive, Mangere Auckland New Zealand (Reg 868).

Phù hợp với Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: a2P-S1-V01-2024 ngày 11 tháng 11 năm 2024 (bản tiêu chuẩn đính kèm).

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH GPKD và TMDV Sống Lành;
- Lưu: HCTH.



Nguyễn Thanh Dương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KINH DOANH VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SỐNG LÀNH/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KINH DOANH VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SỐNG LÀNH

Địa chỉ: Xóm 18, xã Kim Bình, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Điện thoại: 1800646800

E-mail: a2milk.careline@Livewellnow.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0700886866

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC a2 PLATINUM® PREMIUM INFANT FORMULA.

Thành phần: Sữa bột [lactose (sữa), bột whey khử khoáng (sữa), sữa nguyên kem, whey protein cô đặc (sữa), sữa tách kem], dầu thực vật [dầu hướng dương giàu oleic, dầu đậu nành, dầu dừa, dầu hạt cải, chất nhũ hóa (lecithin đậu nành), chất chống oxy hóa (tocopherol hỗn hợp)], galacto-oligosaccharide [GOS] (sữa), dầu omega-6 và omega-3 khô [dầu axit arachidonic, dầu cá (cá ngừ)], khoáng chất [natri, canxi, phot pho, kali, clorua, magie, sắt, kẽm, selen, đồng, mangan, iốt], vitamin [(A, B6, B12, C, D, E, K), thiamin (B1), riboflavin (B2), niacin (B3), axit pantothenic (B5), biotin, axit folic], chất điều chỉnh độ axit [canxi hydroxit, axit citric], choline, taurine, nucleotide [cytidine 5'-monophosphate, uridine 5'-monophosphate, adenosine 5'-monophosphate, inosine 5'-monophosphate, guanosine 5'-monophosphate], inositol, L-carnitine. Sản phẩm chứa sữa, đậu nành, cá.

2. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất, hạn sử dụng in dưới đáy lon

3. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong lon thiếc. Bao bì sử dụng đảm bảo an toàn thực phẩm theo qui định Bộ Y Tế
- Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh: 400g và 900g/lon

4. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản phẩm của: A2 Infant Nutrition Limited.

Địa chỉ: Level 10, 51 Shortland Street, Auckland 1010, New Zealand.

Sản xuất/đóng gói bởi: Synlait Milk limited.



Địa chỉ: 1028 Heslerton Road, RD 13, Rakaia 7783, New Zealand (Reg 540) hoặc 89 Richard Pearse Drive, Mangere Auckland New Zealand (Reg 868).

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: a2P-S1-V01-2024 ngày 11 tháng 11 năm 2024.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Hà Nam, ngày 15 tháng 11 năm 2024
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



GIÁM ĐỐC
Dàm Thu Quỳnh





NỘI DUNG GHI NHẬN PHỤ SẢN PHẨM

TÊN SẢN PHẨM: SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC a2 PLATINUM® PREMIUM INFANT FORMULA.

THÀNH PHẦN: Sữa bột [lactose (sữa), bột whey khử khoáng (sữa), sữa nguyên kem, whey protein cô đặc (sữa), sữa tách kem], dầu thực vật [dầu hướng dương giàu oleic, dầu đậu nành, dầu dừa, dầu hạt cải, chất nhũ hóa (lecithin đậu nành), chất chống oxy hóa (tocopherol hỗn hợp)], galacto-oligosaccharide [GOS] (sữa), dầu omega-6 và omega-3 khô [dầu axit arachidonic, dầu cá (cá ngừ)], khoáng chất [natri, canxi, photpho, kali, clorua, magie, sắt, kẽm, selen, đồng, mangan, iốt], vitamin [(A, B6, B12, C, D, E, K), thiamin (B1), riboflavin (B2), niacin (B3), axit pantothenic (B5), biotin, axit folic], chất điều chỉnh độ axit [canxi hydroxit, axit citric], choline, taurine, nucleotide [cytidine 5'-monophosphate, uridine 5'-monophosphate, adenosine 5'-monophosphate, inosine 5'-monophosphate, guanosine 5'-monophosphate], inositol, L-carnitine. Sản phẩm chứa sữa, đậu nành, cá.

Thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng:

Năng lượng (Energy)	67.6kcal/100ml
Chất đạm (Protein)	1.5g/100ml
Carbohydrat (Carbohydrate)	7.3g/100ml
Chất béo (Total Fat)	3.5g/100ml
Natri (Sodium)	22mg/100ml

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG: Phù hợp cho trẻ từ khi mới sinh ra.

HƯỚNG DẪN CÁCH PHA SẢN PHẨM:

- Bước 1: Luôn rửa tay bằng xà phòng, nước và lau khô tay bằng khăn sạch. Làm sạch bề mặt sử dụng kỹ càng trước khi pha chế.
- Bước 2: Rửa các dụng cụ pha chế bằng xà phòng, nước nóng và tráng sạch. Sau đó tiệt trùng các dụng cụ pha chế bằng cách nhúng ngập trong chảo nước và đun sôi trong vòng 5 phút hoặc sử dụng máy tiệt trùng đạt tiêu chuẩn.
- Bước 3: Đun sôi nước uống an toàn và để nguội trong vòng 30 phút.
- Bước 4: Đọc kỹ phần hướng dẫn pha chế ghi trên lon để lấy lượng sản phẩm và nước cần thiết. Rót lượng nước vừa đủ đã đun sôi và để nguội trước đó vào dụng cụ đã tiệt trùng.
- Bước 5: Chỉ sử dụng muỗng đi kèm theo lon, làm đầy muỗng và gạt bằng thanh gạt trong lon. Tránh nén chặt bột.
- Bước 6: Thêm chính xác lượng bột sản phẩm vào dụng cụ chứa nước đã đong. Mỗi 1 muỗng gạt pha với mỗi 50ml nước. Đóng nắp dụng cụ pha và lắc đều cho đến khi bột hoà tan hết.
- Bước 7: Kiểm tra nhiệt độ bằng cách nhỏ vài giọt vào mặt trong cổ tay. Cho bé ở uống nhiệt độ thích hợp ngay sau khi pha. Bỏ phần thừa nếu không dùng hết trong vòng 1 tiếng.



Mỗi phần ăn nên được chuẩn bị riêng từng lần và sử dụng ngay sau khi pha. Nếu pha trước thì phải bảo quản sản phẩm trong tủ lạnh và sử dụng hết trong vòng 24 tiếng. Không được sử dụng lò vi sóng để hâm nóng. Truy cập vào trang web của chúng tôi để biết thêm thông tin về các cách hâm nóng hoặc pha sản phẩm trước để sử dụng sau.

CHỈ DẪN CHUẨN BỊ PHẦN ĂN

Độ tuổi	Nước đun sôi để nguội (mL)	Số lượng muỗng gạt [^]	Số phần ăn mỗi ngày
0 - 4 ngày tuổi	50	1	5-6
5 ngày – 4 tuần tuổi	100	2	6-8
1 – 4 tháng tuổi	150	3	5-6
4 – 6 tháng tuổi	200	4	4-5
Trên 6 tháng tuổi	200	4	3-4

[^]1 muỗng gạt tương đương với 7,5g bột

1 muỗng gạt pha với 50mL nước, thu được 56mL sản phẩm đã pha. Đây chỉ là chỉ dẫn chung khuyến nghị, trẻ sơ sinh có thể có nhu cầu nhiều hoặc ít hơn. Trẻ sơ sinh có thể không uống hết lượng sản phẩm trong tuần đầu tiên. Trẻ từ 6 tháng tuổi trở lên nên được cho ăn dặm bổ sung ngoài sản phẩm dinh dưỡng công thức.

Hướng dẫn cho ăn bằng cốc: Cho trẻ ăn bằng cốc hợp vệ sinh

Vệ sinh răng miệng: Tránh cho bé ăn trong khi ngủ, điều này có thể dẫn đến tình trạng sâu răng.

Thông tin cảnh báo:

- LUÔN TUÂN THEO CHÍNH XÁC NHỮNG CHỈ DẪN ĐƯỢC ĐƯA RA. CHUẨN BỊ CÁC DỤNG CỤ PHA CHẾ THEO CHỈ ĐỊNH. KHÔNG ĐƯỢC THAY ĐỔI TỶ LỆ LƯỢNG BỘT SẢN PHẨM TRỪ KHI CÓ CHỈ DẪN CỦA CHUYÊN GIA Y TẾ. VIỆC THIẾU SÓT TRONG KHÂU CHUẨN BỊ CÓ THỂ KHIẾN BÉ BỊ ỐM.
- LỜI KHUYÊN VỀ CHẤT GÂY DỊ ỨNG: ĐỐI VỚI CHẤT GÂY DỊ ỨNG, HÃY XEM CÁC THÀNH PHẦN IN ĐẬM

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:

- Không sử dụng sản phẩm nếu phần nắp thiếc có dấu hiệu hỏng hoặc mất. Sử dụng sản phẩm theo Hạn sử dụng được in dưới đáy lon.
- Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát. Sau khi mở nắp lon, loại bỏ phần nắp thiếc và vớt chúng ở nơi thích hợp.
- Dùng dụng cụ đã được tiệt trùng để tìm và lấy muỗng được đi kèm trong lon sản phẩm. Luôn đóng nắp sản phẩm ngay sau khi sử dụng.
- Sử dụng sản phẩm trong vòng 4 tuần kể từ khi mở nắp. Lon được đóng gói theo khối lượng không theo dung tích. Hiện tượng vón cục có thể xảy ra trong quá trình vận chuyển và phân phối.

6866-
 NG TY
 TNHH
 P KINH DO
 UƠNG M
 HỊCH VỤ
 NG LÀN
 HÀ N

AM

CHÚ Ý: “Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác”

“Chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sĩ. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh”

NGÀY SẢN XUẤT: Xem MFD in dưới đáy lon

HẠN SỬ DỤNG: Xem USE BY in dưới đáy lon

KHỐI LƯỢNG TỊNH:

SỐ ĐKCB:

XUẤT XỨ: New Zealand

Sản phẩm của: A2 Infant Nutrition Limited.

Địa chỉ: Level 10, 51 Shortland Street, Auckland 1010, New Zealand.

Sản xuất/đóng gói bởi: Synlait Milk limited.

Địa chỉ: 1028 Heslerton Road, RD 13, Rakaia 7783, New Zealand (Reg 540) hoặc 89 Richard Pearse Drive, Mangere Auckland New Zealand (Reg 868).

TỔ CHỨC CÔNG BỐ VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM SẢN PHẨM: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KINH DOANH VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SỐNG LÀNH

Địa chỉ: Xóm 18, xã Kim Bình, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

TỔ CHỨC NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI SẢN PHẨM: CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP THỊ VÀ PHÂN PHỐI SỐNG LÀNH

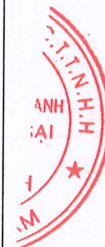
Địa chỉ: Tầng 8, Tháp Tây, tòa nhà Hancorp Plaza, số 72 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

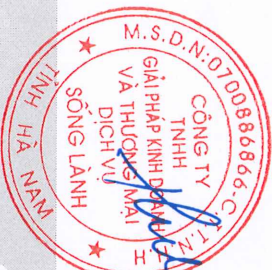
Careline: 1800646800

Email: a2milk.careline@Livewellnow.com.vn

Website: <https://a2nutrition.com.au> hoặc <https://a2milk.vn>

a2, a2 Milk và PLATINUM là các nhãn hiệu được đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của The a2 Milk Company Limited.





GIÀM ĐỐC

Đàm Thu Quỳnh

Directions for Use

- 1 Always wash hands with soap and water and dry thoroughly before preparing a feed.
- 2 Clean all feeding equipment in hot soapy water and use thoroughly. Heat, sterilise all feeding equipment by submerging bottles, teats and lids in a pan of water and boiling for 3 minutes, or using a steriliser.
- 3 Boil safe drinking water and allow to cool for 30 minutes.
- 4 Refer to the feeding guide instructions on this can to check how much powder and water is needed. Pour the correct amount of previously boiled (now cooled) water into the sterilised bottle.
- 5 Use only the correct scoop, its scoop and level to bring the milk level on the can.
- 6 Add the exact amount of powder to the water in the bottle. Always add 1 level scoop of powder for each 50ml of water. Cap the bottle and mix thoroughly by shaking gently or swirling the bottle to dissolve the powder.
- 7 Check temperature of feed on the inside of your wrist before feeding. It should feel warm, but cool to the touch. Feed your baby immediately. Discard any feed that has not been consumed within 1 hour.

1 Level scoop = 1.5g of powder

AGE OF BABY	CORRECT BOTTLE WATER (ml)	LEVEL SCOOP OF POWDER*	NUMBER OF FEEDS PER DAY
0-4 days	50	1	5-6
5 days - 1 week	100	2	6-8
1-4 months	150	3	6-8
4-6 months	200	4	4-5
> 6 months	200	4	3-4

* 1 level scoop = 1.5g of powder

1 scoop of powder added to 50ml water yields approximately 50ml of formula. This is a general feeding guide only. Mothers may need more or less formula. Mothers believe they are not doing the full amount in first weeks. Mothers over 6 months should be offered food in addition to infant formula.

DIRTY HYGIENE
If needed a baby, feed-free cup at around 6 months of age, to wash your baby's hands with a bottle, and if you can't use a bottle, use a cup.

DERMAL HYGIENE
Avoid putting your baby's hands on their face, or their hands on their face, to avoid their hands.

Contact The a2 Milk Company, Caroline
Our qualified healthcare professionals are ready to provide information about your baby's feeding or nutritional needs.
Australia: 1800 224 522 (1800 a2 milk) www.a2milk.com.au
New Zealand: 0800 224 522 (0800 a2 milk) www.a2milk.co.nz

IMPORTANT NOTICE: BREAST MILK IS BEST FOR BABIES. BEFORE YOU DECIDE TO USE THIS PRODUCT, CONSULT YOUR DOCTOR OR HEALTH WORKER FOR ADVICE. WARNING: FOLLOW INSTRUCTIONS EXACTLY. PREPARE BOTTLES AND TEATS AS DIRECTED. DO NOT CHANGE PROPORTIONS OF POWDER EXCEPT ON MEDICAL ADVICE. INCORRECT PREPARATION CAN MAKE YOUR BABY VERY ILL.

Is this a True a2™ product?
We've paid great care to ensure you have the highest quality products. Our milk is sourced from cows that naturally produce milk with only the a2 beta-casein protein type and free from group 1 hormones and antibiotics. a2 Platinum™ is a2 milk certified by independent traceability experts. Orphan. Please visit a2nutrition.com.au for more information.



THE a2 MILK COMPANY

a2 MILK

Platinum

Premium infant formula

400g NET

FROM BIRTH

Naturally complete

The original milk protein™

Nutrition information

AVERAGE QUANTITY PER 100ML PREPARED FEED*

Energy	288kJ
Protein	1.5g
- Whey protein (60%)	0.88g
- Casein protein	0.62g
- A2 beta casein	0.20g
Fat Total	3.4g
Digestible 3	2.49g
- Lactidic acid (L/A)	12mg
- Dicothalenic acid (D/A)	52mg
- Oleic acid	37mg
- Arachidic acid (A/A)	73g
Carbohydrate	69mg
Vitamin A	95i.u.
Vitamin B1	95i.u.
Vitamin B2	0.27i.u.
Vitamin B3	6.2i.u.
Vitamin B5	1.2mg e.i.f.e.
Vitamin E	5.3i.u.
Biotin	52i.u.
Panthenol (Vitamin B3)	134i.u.
Folate	500i.u.
Retinol (Vitamin A)	147i.u.
Retinyl palmitate (Vitamin A)	76i.u.
Minerals	
Calcium	53mg
Copper	32i.u.
Iron	82i.u.
Iodine	0.22mg
Magnesium	0.42i.u.
Manganese	35i.u.
Phosphorus	0.32mg
Zinc	1.1i.u.
Other	
Galectin-2 (galectin-2) (G2S)	36i.u.
Galactose	54i.u.
Choline	11mg
Inositol	142mg
Linoleic Acid	1.1mg
- Adipic acid 5'-monophosphate	0.20mg
- Citric acid 5'-monophosphate	0.20mg
- Glutamic acid 5'-monophosphate	0.20mg
- Lactic acid 5'-monophosphate	0.20mg

Storage

Do not use if foil seal is damaged or missing. Refer to use by date on base of this can. Store at room temperature. After opening, remove foil seal completely and discard. Use a spoon to get the milk from the scoop. Do not use if the can is damaged. Can fill by weight, not volume. Some settling of powder can occur during transportation and distribution.

Made in New Zealand

For a2 milk, visit www.a2milk.com
Level 10
51 Sturges Street
New Zealand



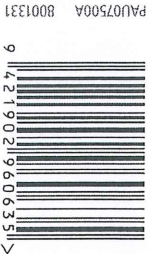
Please recycle

Make foil seal into ball to recycle



NEW ZEALAND.COM
Licence No. 100367

Refer to use by date for manufacturing registration number
a2 Platinum™ and
The a2 Milk Company™
The a2 Milk Company Limited
This is a True a2™
product (refer to website for more information).



* Refer to feeding guide



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KINH DOANH VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SỐNG LÀNH

Địa chỉ/ Client's Address : Xóm 18, xã Kim Bình, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 16/10/2024

Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 16/10/2024 - 21/10/2024

Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 21/10/2024

Thông tin mẫu/ Name of Sample : SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC a2 PLATINUM® PREMIUM INFANT FORMULA

Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín

Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
2	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
3	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
4	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
5	Thiếc (Sn) (*) / Tin (Sn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.5)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
6	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
7	Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.3)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/092 (Ref. EN 17194:2019)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
8	Aflatoxin M1 (*) / Aflatoxin M1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.007)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/051 (Ref. TCVN 6685:2009)
9	Patulin (*) / Patulin (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 3)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/071 (Ref. AOAC 2000.02)
10	Deoxynivalenol (Vomitoxin) (*) / Deoxynivalenol (Vomitoxin) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/093 (Ref. EN 17194:2019)
11	Zearalenone (*) / Zearalenone (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/094 (Ref. TCVN 10640: 2014, EN 15850:2010)
12	Fumonisin tổng số (FB1. FB2) (*) / Sum of Fumonisin (FB1. FB2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 1.5)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/095 (Ref. TCVN 8162:2009, EN 1385:2001)
13	Melamine (*) / Melamine (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.015)	mg/kg	AVA-KN-PP.SK/090 (Ref. TCVN 9048:2012 (ISO/ TS 15495:2010))
14	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
15	Enterobacter sakazakii (*) / Enterobacter sakazakii (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/10g	AVA-KN-PP.VS/056 (Ref. TCVN 7850:2008)
16	Enterobacteriaceae / Enterobacteriaceae	Không phát hiện/ Not Detected	/10g	ISO 21528-1:2017
17	Bacillus cereus giả định (*) / Presumptive Bacillus cereus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 4992:2005 (ISO 7932:2004)






KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
18	Staphylococci dương tính với coagulase (*) / Staphylococci positive coagulase (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:1999/Amd 1:2003)
19	Listeria monocytogenes (*) / Listeria monocytogenes (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	ISO 11290-2:2017

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 CFU/g ; <10 CFU/ml ; <10 CFU/swab (mẫu) ; <1 CFU/0.1g ; <1 CFU/0.1ml ; <1 CFU/ml ; <5 CFU/g ; <2 CFU/g khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 CFU/g ; <10 CFU/ml ; <10 CFU/swab (sample) ; <1 CFU/0.1g ; <1 CFU/0.1ml ; <1 CFU/ml ; <5 CFU/g ; <2 CFU/g when the dish contains no colony.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 CFU/thể tích mẫu kiểm ; <1 CFU/khối lượng mẫu kiểm (đối với các nền mẫu nước đá) khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 CFU/sample volume tested ; <1 CFU/sample weight tested (for ice sample) when the dish contains no colony.



PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

BÙI TÂN BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
DEPUTY DIRECTOR

TRẦN HOÀNG VINH

